TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Quách Thị Tình
2. Ông Quách Hà Vính

- *Thư ký phiên toà*: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa*** *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị H; Sinh năm 1996
Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
-*Bị đơn:* Anh Bùi Văn L; Sinh năm: 1989
Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/01/2023 và bản tự khai, chị Bùi Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn L sống chung như vợ chồng từ 2013, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương. Sau đó hai bên làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 16/02/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến năm 2016 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Chị và anh L đã sống ly thân đến nay được 7 năm, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Thị Phương L, sinh ngày 22/11/2013. Ly hôn, chị H đề nghị giao con cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L mỗi tháng là 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu 18 tuổi. Nếu anh L không đồng ý trực tiếp nuôi con, chị sẽ trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/2/2023, anh Bùi Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng kí kết hôn kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 16/02/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Anh và chị H đã sống ly thân gần 7 năm nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị H làm đơn xin ly hôn với anh, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Thị Phương L, sinh ngày 22/11/2013. Ly hôn, anh L yêu cầu được trực tiếp nuôi con và đồng ý với mức cấp dưỡng mà chị H đề nghị là 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng)/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Bùi Văn L; Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Phương L, sinh ngày 22/11/2013 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L mỗi tháng là 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh L xin vắng mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh L theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Bị đơn là anh Bùi Văn L có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay, chị H và anh L vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị H và anh L.

[5]. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn L chung sống như vợ chồng từ 2013, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương. Đến ngày 16/02/2016, hai bên làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Như vậy, hôn nhân của chị H và anh L là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Chị H và anh L đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không còn quan hệ gì với nhau nữa. Việc này, cả chị H và anh L đều thừa nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương. Đến nay, chị H và anh L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn L được ly hôn.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Thị Phương L, sinh ngày 22/11/2013. Từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu luôn ở với bố và ông bà nội, bản thân cháu cũng có nguyện vọng được ở với bố. Do đó, nên chấp nhận yêu cầu của chị H và anh L, giao cháu Bùi Thị Phương L cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L mỗi tháng 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

[7]. Về tài sản: Chị H và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn L được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Phương L, sinh ngày 22/11/2013 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L mỗi tháng 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 4 năm 2023 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên đương sự có yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng khác. Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Chị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về việc ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về việc cấp

dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí DSST là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số AA/2021/0007933 ngày 02/2/2023. Chị H còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn L. Chị H và anh L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc